

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16/02/2023

V/v: *Ly hôn*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Tử Diệc

2. Ông Nguyễn Văn Trước

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ không tham gia phiên tòa .

Ngày 16 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 600/2022/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022, về việc: “*Ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Thúy V**, sinh năm 1969

Địa chỉ: Số 67A/4, ấp T, xã B, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ : Số 122/8, ấp T, xã B, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 07/11/2022, biên bản không tiến hành hòa giải được cũng như tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh N qua quen biết tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 1993, có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/12/2002. Sau khi kết hôn thì chị về chung sống bên gia đình anh N tại ấp An Thuận. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh N không quan tâm lo lắng cho vợ con, mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc nên thường xuyên cự cãi, vì vậy vào tháng 4/2017 chị về nhà cha mẹ ruột sống, chị và anh N đã

không còn sống chung từ năm 2017 cho đến nay. Nay chị V yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Phương Q, sinh năm 1994 và Nguyễn Đông P, sinh năm 2003, các con đã trưởng thành chị V không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tòa án đã gửi thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần cho anh Nguyễn Văn N đến Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, có người nhà nhận thay, đến ngày làm việc anh N không đến và không gửi bản khai ý gì về việc chị V yêu cầu ly hôn. Vì vậy căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị Thúy V yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn N, anh N còn đăng ký hộ khẩu tại ấp T xã B, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ được quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 30/01/2023 anh N có mặt, nhưng sau đó tự động ra về, Tòa án triệu tập anh N đến Tòa án xét xử lần 2 ngày 16/02/2023, người nhà nhận thay, đến ngày xét xử lần 2 anh N không đến. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết vắng mặt anh Nguyễn Văn N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị V yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn N cả hai có kết hôn với nhau được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/12/2002, nên đây hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Xét về mâu thuẫn chị V khai vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh N không lo cho vợ con, bất đồng ý kiến liên quan đến tiền bạc, dẫn đến vợ chồng thường cự cãi nhau, hiện nay vợ chồng chị không còn sống chung, chị V về nhà cha mẹ sống, vợ chồng ly thân từ tháng 4/2017 cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay anh N vắng mặt. Xét vợ chồng chung sống phải yêu thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau, nhưng tình cảm giữa chị V và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, hiện nay cả hai không còn sống chung, mỗi người sống một nơi, hôn nhân không đạt được, đã vi phạm nghiêm trọng tình cảm vợ chồng. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thúy V được ly hôn với anh Nguyễn Văn N là có cơ sở chấp nhận được quy định tại Điều 56 Luật

hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Phương Q, sinh năm 1994 và Nguyễn Đông P, sinh năm 2003, các con đã trưởng thành chị V không yêu cầu giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thúy V được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. Về nuôi con chung: 02 cháu Nguyễn Hoàng Phương Q, sinh năm 1994 và Nguyễn Đông P, sinh năm 2003, đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Thúy V nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004451 ngày 09/11/2022 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, chị V không phải nộp thêm .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng

mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được thông báo, niêm yết tại nơi cư trú của người vắng mặt ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long Hồ
- TAND tỉnh Vĩnh Long
- THADS huyện Long Hồ
- Các đương sự ;
- Lưu HSVA

Võ Thị Hồng Điệp

